

BỘ CÔNG AN
Số: 58/2020/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, bao gồm: Xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự; xe máy chuyên dùng của Công an sử dụng vào mục đích an ninh (sau đây gọi chung là đăng ký xe).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát giao thông (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) làm nhiệm vụ đăng ký xe;

b) Công an các đơn vị, địa phương;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có trụ sở hoặc cư trú hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến hoạt động đăng ký xe.

2. Thông tư này không áp dụng đối với việc đăng ký các loại xe cơ giới đường bộ của Quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Điều 3. Cơ quan đăng ký xe

1. Cơ quan đăng ký xe chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ hồ sơ theo quy định, các thông tin của xe được quản lý thống nhất trên cơ sở dữ liệu đăng ký tại Cục Cảnh sát giao thông.

2. Nơi đăng ký xe có sơ đồ chỉ dẫn, lịch tiếp dân, được bố trí ở địa điểm thuận tiện để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục đăng ký xe, có chỗ ngồi, chỗ để xe, hòm thư góp ý, biển chức danh của cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ đăng ký xe và niêm yết công khai các quy định về thủ tục đăng ký xe, lệ phí đăng ký xe, các hành vi vi phạm và hình thức xử phạt vi phạm quy định về đăng ký, cấp biển số xe.

3. Cục Cảnh sát giao thông đăng ký, cấp biển số xe của Bộ Công an; xe ô tô của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và xe ô tô của người nước ngoài làm việc trong cơ quan đó; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ- đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Phòng Cảnh sát giao thông) đăng ký, cấp biển số các loại xe sau đây (trừ các loại xe của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Xe ô tô, máy kéo, rơ moóc, sơ mi rơmoóc, xe mô tô dung tích xi lanh từ 175cm³ trở lên, xe quyết định tịch thu và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương;

b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện, xe có kết cấu tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, của dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương và tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi Phòng Cảnh sát giao thông đặt trụ sở.

5. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương mình (trừ các loại xe của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này).

6. Trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu thực tế tại các huyện biên giới, vùng sâu, vùng xa hoặc các địa phương khó khăn về cơ sở vật chất, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông để được hướng dẫn tổ chức đăng ký, cấp biển số xe theo cụm.

Điều 4. Thời hạn cấp đăng ký, biển số xe

1. Cấp lần đầu, cấp đổi biển số xe: Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ.
2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời và biển số xe tạm thời: Trong ngày.
3. Cấp lần đầu, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe: Không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
4. Cấp lại biển số xe bị mất, biển số xe bị mờ, hỏng: Không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe bị mất: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 5. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ đăng ký xe

1. Thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến công tác đăng ký xe.
2. Hướng dẫn chủ xe thực hiện các thủ tục đăng ký xe theo đúng quy định của pháp luật; tiếp nhận giải quyết đăng ký xe sau khi kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ đăng ký

xe đúng với thực tế xe theo quy định. Hồ sơ không đảm bảo thủ tục theo quy định, hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần.

3. Tiếp nhận giải quyết đăng ký, cấp biển số xe sau khi chủ xe khôi phục lại trạng thái ban đầu phương tiện vi phạm về an ninh, trật tự: Tự ý thay đổi màu sơn, kẻ vẽ, quảng cáo, lắp đặt thiết bị lên xe, thay đổi tính năng sử dụng của xe không đúng quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ xe

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký xe; đến cơ quan đăng ký xe theo quy định tại Điều 3, kê khai đầy đủ nội dung trên giấy khai đăng ký xe và xuất trình giấy tờ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xe và hồ sơ đăng ký xe; nộp lệ phí đăng ký. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ và tác động làm thay đổi số máy, số khung nguyên thủy để đăng ký xe.

2. Đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra đối với xe đăng ký lần đầu, xe đăng ký sang tên, xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn. Trước khi cải tạo xe, thay đổi màu sơn (kể cả kẻ vẽ, quảng cáo), chủ xe phải khai báo trên trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông tại mục khai báo cải tạo xe, thay đổi màu sơn hoặc trực tiếp đến cơ quan đăng ký xe và được xác nhận của cơ quan đăng ký xe thì mới thực hiện; làm thủ tục đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký xe khi xe đã được cải tạo hoặc khi thay đổi địa chỉ của chủ xe.

3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày làm giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe cho tổ chức, cá nhân:

a) Sang tên cho tổ chức, cá nhân khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là sang tên khác tỉnh): Chủ xe trực tiếp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dịch vụ nộp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cho cơ quan đăng ký xe;

b) Sang tên cho tổ chức, cá nhân trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là sang tên cùng tỉnh): Chủ xe trực tiếp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dịch vụ nộp giấy chứng nhận đăng ký xe cho cơ quan đăng ký xe;

Trường hợp tổ chức, cá nhân mua, được điều chuyển, cho, tặng, được phân bổ, thừa kế làm thủ tục sang tên ngay thì không phải làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày làm giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe thì tổ chức, cá nhân mua, được điều chuyển, cho, tặng, được phân bổ, thừa kế xe phải đến cơ quan đăng ký xe làm thủ tục cấp đăng ký, biển số.

5. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày xe hết niên hạn sử dụng, xe hỏng không sử dụng được, xe bị phá hủy do nguyên nhân khách quan, thì chủ xe phải khai báo trên trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông tại mục khai báo xe thu hồi và nộp trực tiếp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe cho cơ quan đăng ký xe hoặc nộp trực tiếp cho Công an xã, phường, thị trấn nơi cư trú (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) hoặc ủy quyền cá nhân, tổ chức dịch vụ đến cơ quan đăng ký xe làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC, TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE

MỤC A

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

Điều 7. Giấy khai đăng ký xe

Chủ xe có trách nhiệm kê khai đúng, đầy đủ các nội dung trong giấy khai đăng ký xe theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Giấy tờ của xe

1. Giấy tờ nguồn gốc xe:

a) Đối với xe nhập khẩu:

Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng, xe viện trợ dự án: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe gắn máy nhập khẩu theo quy định.

Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, xe viện trợ không hoàn lại, nhân đạo: Tờ khai hải quan theo quy định, Giấy phép nhập khẩu tạm nhập khẩu xe và Biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc